

Bản án số: 02/2022/HNGĐ – ST

Ngày 14-01-2022

V/v “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Diệu

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 301/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Hồng T**, sinh năm: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 7, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

*** Bị đơn:** Ông **Trịnh Đức P**, sinh năm: 1970 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 7, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2021, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/10/2021 và bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Trịnh Đức P tự nguyện sống chung vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại tổ 7, ấp 7, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể quay lại sống chung với nhau được nữa nên Bà T xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Hồng H, sinh ngày: 01/3/1993 và Trịnh Thị Hồng P1, sinh ngày: 07/9/2004. Khi ly hôn, đối với con tên H đã trưởng thành, Bà T không yêu cầu giải quyết, đối với con tên P1 thì Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện Bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông P không nợ ai và không ai nợ lại.

* Theo biên bản lấy lời khai - bị đơn ông Trịnh Đức P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P thống nhất lời trình bày của Bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, về thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay Bà T xin ly hôn thì ông P đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Hồng H, sinh ngày: 01/3/1993 và Trịnh Thị Hồng P1, sinh ngày: 07/9/2004. Khi ly hôn, đối với con tên H đã trưởng thành, ông P không yêu cầu giải quyết, đối với con tên P1 thì ông P đồng ý để Bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Hiện Bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông P không nợ ai và không ai nợ lại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Hồng T được ly hôn với ông Trịnh Đức P.

+ Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trịnh Thị Hồng P1, sinh ngày: 07/9/2004.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Hồng T không yêu cầu ông Trịnh Đức P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Trần Thị Hồng T và ông Trịnh Đức P tự thỏa thuận nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Trần Thị Hồng T và ông Trịnh Đức P khẳng định không có nợ chung nên xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T có đơn khởi kiện ly hôn với ông Trịnh Đức P tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc xác định ông Trịnh Đức P hiện nay đang cư trú tại xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã có ý kiến và văn bản đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị Hồng T và ông Trịnh Đức P sống chung với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo giấy nhận kết hôn năm 1993 của UBND xã Lộc Thái. Vì vậy hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng T và ông Trịnh Đức P là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì Bà T cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên Bà T xin được ly hôn với ông P. Ông P cũng thống nhất giữa ông P và Bà T có mâu thuẫn với nhau và ông P đồng ý ly hôn với Bà T.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa Bà T và ông P đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho Bà T được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Trịnh Thị Hồng H, sinh ngày: 01/3/1993 và Trịnh Thị Hồng P1, sinh ngày: 07/9/2004.

Xét thấy con tên Trịnh Thị Hồng H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con tên là Trịnh Thị Hồng P1 có nguyện vọng sống chung với Bà T, Bà T và ông P thống nhất để Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung nên cần giao con tên là Trịnh Thị Hồng P1 cho Bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông P khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy Bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, 86 và 87 Luật hôn nhân gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng T

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Hồng T được ly hôn với ông Trịnh Đức P.

2/ Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Trịnh Thị Hồng P1, sinh ngày: 07/9/2004.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Hồng T không yêu cầu ông Trịnh Đức P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4/ Về tài sản chung: Bà Trần Thị Hồng T và ông Trịnh Đức P tự thỏa thuận nên không xem xét.

5/ Về nợ chung: Bà Trần Thị Hồng T và ông Trịnh Đức P khẳng định không có nợ chung nên xem xét.

6/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0009630 ngày 06/12/2021.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa